

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOT NĂM 2014

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tasco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600264117 (Số cũ: 0103021321) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2015.
- Vốn điều lệ: 946.474.910.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 946.474.910.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04. 3773 8558
- Số fax: 04. 3773 8559
- Website: <http://www.taric.com.vn>
- Mã cổ phiếu: HUT.

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

#### 2.1. Thành lập Doanh Nghiệp:

Công ty Cổ phần Tasco nguyên là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ năm 1971 với tên gọi là Đội cầu Nam Hà và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông. Cùng với sự thay đổi về địa giới hành chính cũng như quá trình đổi mới về quản lý các doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ, Công ty có các tên gọi sau:

- + Năm 1976 Công ty Cầu Hà Nam Ninh trên cơ sở sáp nhập với Xí nghiệp xây dựng Cầu đường Ninh Bình.
- + Tháng 4/1992 là Công ty Công trình Giao thông Nam Hà.
- + Tháng 1/1997 là Công ty Công trình Giao thông Nam Định.
- + Tháng 11/2000 Công ty tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty cổ phần giao thông cơ sở hạ tầng Nam Định.
- + Ngày 01/01/2002 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thành Công.
- + Ngày 11/11/2003, Công ty sát nhập và trở thành Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD).
- + Ngày 15/12/2003 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thành Công.
- + Ngày 26/12/2007 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco, được Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 toà nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
- + Ngày 26/1/2010, Công ty chuyển tới văn phòng trụ sở chính mới tại Tầng 33, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội (Thông báo chuyển đổi trụ sở chính và thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 15/TB-TASCO ngày 26/1/2010).
- + Ngày 17/5/2012, Công ty chuyển tới văn phòng trụ sở chính mới tại Tầng 4, Tòa nhà M5, Số



*Handwritten signature or initials.*

91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội (Thông báo chuyển đổi trụ sở chính và thay đổi Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 95/TB-TASCO ngày 17/5/2012).

**2.2. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp**

Tháng 11/2000, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của Công ty. Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, từ Doanh Nghiệp Nhà Nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần (Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định).

**2.3. Quá trình niêm yết và tăng vốn điều lệ của Doanh Nghiệp**

Tháng 4/2008, 5,5 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Trung Tâm GDCK Hà Nội HASTC với mã cổ phiếu HUT, khẳng định vị thế của TASCOT trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

Kể từ khi chuyển đổi sở hữu từ Doanh Nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 09 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:

**Quá trình tăng vốn điều lệ**

(Đơn vị: Triệu đồng)

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
<b>Khi cổ phần hoá</b>	7.000		
<b>Lần 1</b> (4/2003) (Theo NQ HĐQT ngày 11/04/2003)	10.000	3.000	Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.
<b>Lần 2</b> (4/2003) (Theo NQ HĐQT thường niên lần 2 ngày 11/04/2003 và NQ HĐQT bất thường ngày	16.000	6.000	- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. - Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.
<b>Lần 3</b> (6/2007- 8/2007) (Theo NQ ĐHCĐ ngày 02/06/2007)	55.000	39.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu; + Phát hành cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP.HCM; - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các Công ty con.
<b>Lần 4</b> (12/2009) (Theo NQ ĐHCĐ bất thường số 02/2009/NQ-ĐHCĐ ngày 18/7/2009)	135.000	80.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu; + Phát hành cho cổ đông chiến lược. - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các Công ty con.
<b>Lần 5</b> (3/2010) (Theo NQ ĐHCĐ số 01/2010/NQ-ĐHCĐ ngày 31/3/2010)	350.000	215.000	- Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu; + Phát hành cho cổ đông chiến lược; + Phát hành cổ phần cho cán bộ nhân viên văn phòng Công ty. - Đấu giá ra bên ngoài.

<b>Lần 6 (5/2013)</b> (Theo NQ ĐHCĐ số 01/2013/NQ- ĐHCĐ ngày 11/4/2013 và NQ HĐQT số 07/NQ-HĐQT ngày 25/4/2013)	419.970	69.970	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 và năm 2012.
<b>Lần 7 (6/2013)</b> (Theo NQ ĐHCĐ số 01/2013/NQ- ĐHCĐ ngày 11/4/2013 và NQ HĐQT số 09/NQ-HĐQT ngày 22/5/2013)	646.474	226.504	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi (HUT-CB 2012) phát hành năm 2012 thành cổ phiếu.
<b>Lần 8 (1/2014)</b> (Theo NQ ĐHCĐ số 01/2013/NQ- ĐHCĐ ngày 11/4/2013 và NQ HĐQT số 09/NQ-HĐQT ngày 22/5/2013)	846.474	200.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
<b>Lần 9 (12/2014)</b> (Theo NQ ĐHCĐ số 01/2014/NQ- ĐHCĐ ngày 05/06/2014)	946.474	100.000	Thực hiện chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013

#### 2.4. Các sự kiện khác

Tính đến nay, Công ty đã có bề dày truyền thống hơn 40 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng. Bằng năng lực và tính chuyên nghiệp cao, Công ty đã tạo lập và xây dựng thương hiệu TASCО trở thành một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản với một số thành tựu tiêu biểu sau:

- + Cờ khen thưởng của Chính phủ, tặng cho TASCО – đơn vị xuất sắc năm 2008
- + Cờ khen thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2004
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2006
- + Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007
- + Siêu cúp Thương hiệu mạnh và Phát triển bền vững
- + Cúp vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải đồng bằng Bắc bộ
- + UBND Thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua cho Công ty cổ phần Tasco - Đơn vị xuất sắc năm 2010.
- + Cúp “Thánh Gióng” cho doanh nhân tiêu biểu, ông Phạm Quang Dũng, Chủ tịch HĐQT Công ty CP TASCО.
- + Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng 3 năm 2011 vì những cống hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác.

+ Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco là 1 trong 18 doanh nhân tiêu biểu được vinh danh tại giải thưởng E&Y 2014 - giải thưởng danh giá cho các doanh nhân xuất sắc của Việt Nam có quá trình phấn đấu bền bỉ, vượt qua khó khăn để thành lập, xây dựng và phát triển

đất nước.

+ Và nhiều bằng khen, giải thưởng có giá trị khác,...

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng;

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Trải dài từ Bắc vào Nam qua rất nhiều tỉnh thành.

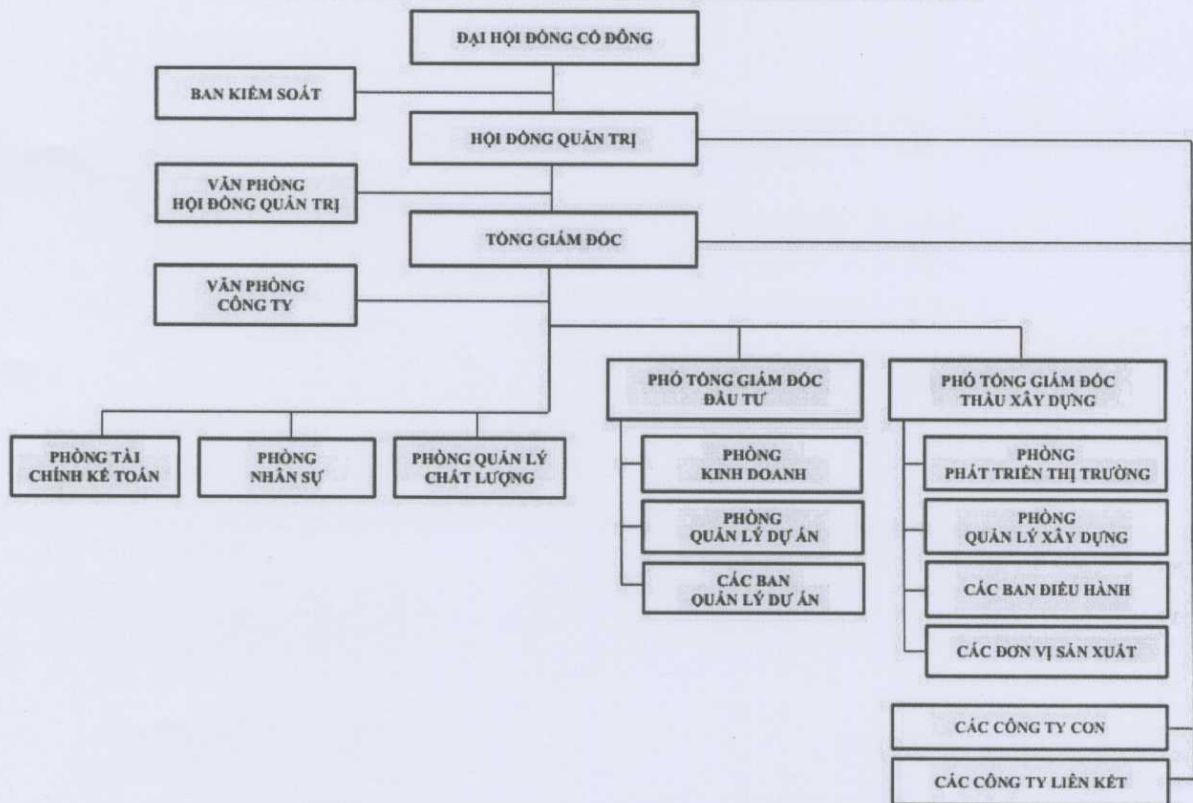
**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**4.1. Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Văn phòng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

**4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TASCО**



*Handwritten signature*

**4.3. Các Công ty con, Công ty liên kết**  
**Các Công ty con của TASCО**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2014	TASCО	
			Mức vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty TNHH một thành viên TASCО 6	50	50	100
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	177.610	154.185	86,81
3	Công ty TNHH một thành viên TASCО Quảng Bình	181.491	181.491	100
4	Công ty TNHH một thành viên TASCО Nam Định	300.658	300.658	100
5	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	6.000	3.060	51
	<b>Tổng cộng</b>	<b>719.809</b>	<b>639.445</b>	

**\* Công ty TNHH Một thành viên TASCО 6**

Giấy CNĐKKD Số 0600542036 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 16/3/2009, thay đổi lần một ngày 17/11/2009, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 19/7/2012.

Địa chỉ: Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 03503. 861 546 Fax: 03503. 861 511

Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ thu cước phí và quản lý trạm thu cước phí đường bộ;
- Quản lý duy tu đường bộ;
- Kinh doanh và khai thác công trình kết cấu hạ tầng đường bộ;
- Khai thác kinh doanh quảng cáo;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị.

**\* Công ty Cổ phần TASCО Nam Thái**

Giấy CNĐKKD Số 0600454929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần 1 ngày 7/8/2008, cấp thay đổi lần 6 ngày 14/9/2012.

Địa chỉ: Số 34 Phố Trần Bình Trọng, Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 036 3658 677

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, giao thông công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- San lấp mặt bằng;
- Tư vấn quản lý dự án, kiểm định chất lượng công trình xây

- dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Tư vấn giám sát các công trình giao thông;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm môi giới, đầu giá, sàn giao dịch bất động sản).

**\* Công ty TNHH Một thành viên TASCО Quảng Bình**

- Giấy CNĐKKD Số 3100959525 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 09/5/2013, thay đổi lần một ngày 25/7/2013.
- Địa chỉ: Số 5 Quang Trung, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- Điện thoại: 052 3 817 555 Fax: 052 3 817 177
- Ngành nghề kinh doanh:
- Xây dựng công trình đường bộ;
  - Sản xuất, mua bán vật liệu XD, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
  - Khai thác kinh doanh quảng cáo;
  - Chuẩn bị mặt bằng;
  - Mua bán ươm trồng cây xanh đô thị;
  - Kinh doanh và khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ.

**\* Công ty TNHH MTV TASCО Nam Định**

- Giấy CNĐKKD Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định được tách ra từ Công ty CP Xây dựng Tasco theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0600642753 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần một ngày 16/7/2009, thay đổi lần 6 ngày 20/11/2013.
- Địa chỉ: Số 20, Đường Điện Biên, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định
- Điện thoại: 0350.3843732
- Ngành nghề kinh doanh:
- Tư vấn giám sát công trình giao thông, thủy lợi; tư vấn quản lý dự án;
  - Xây dựng nhà các loại;
  - Đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
  - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng;
  - Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
  - San lấp mặt bằng;
  - Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt hệ thống điện;
  - Thử nghiệm kiểm tra chất lượng công trình xây dựng, kiểm định chất lượng công trình;
  - Cho thuê máy móc thiết bị.

**\* Công ty Cổ phần TASCО Thành Công**

- Giấy CNĐKKD Số 0106259517 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/8/2013.
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04 3773 8558 Fax: 04.3773 8559

- Ngành nghề kinh doanh:
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**Các Công ty liên kết của TASCО**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2014	TASCО	
			Mức vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	CTCP Bất động sản Thái An	25.020	16.970	30
2	Công ty CP TASCО Thăng Long	4.237	1.800	30
3	Công ty CP D-tech	10.000	2.000	20
	<b>Tổng cộng</b>	<b>39.257</b>	<b>20.770</b>	

**\* Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An (Tên cũ: Công ty Cổ phần TASCО Xuân Ngọc)**

Giấy CNĐKKD

Số 0104349719 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/12/2009 và thay đổi lần 4 ngày 18/05/2011.

Địa chỉ:

B1-24 Đường Lê Đức Thọ, Xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các loại nhà;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất bê tông đúc sẵn và các sản phẩm từ xi măng; Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống cột bê tông, cọc bê tông cốt thép; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình cửa đường hầm, công trình thể thao ngoài trời, các cơ sở hạ tầng công; Thi công xây lắp các công trình giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng; kinh doanh bất động sản.

**\* Công ty Cổ phần TASCО Thăng Long**

Giấy CNĐKKD

Số 0104328839 (Số cũ 0103043065) do Sở Kế hoạch - Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 23/7/2010

Địa chỉ:

Số 64, nhà TT4, Khu đô thị Sông Đà - Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo

bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản;  
Môi giới bất động sản;

**\* Công ty Cổ phần D - Tech**

Giấy CNĐKKD

Số 0104822759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/7/2010, thay đổi lần hai ngày 16/9/2011.

Địa chỉ:

Số nhà 5C khu A3, tập thể Đại học mỏ địa chất, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật tư thiết bị ngành cầu đường;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe taxi,...
- Hoạt động xây dựng chuyên dung khác như:  
Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; thử độ ẩm và các công việc thử nước; chống ẩm các tòa nhà; chôn chân trụ; dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; uốn thép; xây gạch và đặt đá; lợp mái bao phủ tòa nhà; dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; dỡ bỏ ống khói và các nôi hơi công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng như: Xây dựng công trình công nghiệp, Xây dựng công trình cửa, xây dựng đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại.



## 5. Định hướng phát triển

Định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

### **Tầm nhìn**

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

### **Sứ mệnh**

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị và hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên và phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

### **Giá trị cốt lõi**

**Cam kết:** Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích cổ đông, khách hàng, đối tác, công sự, cộng đồng địa phương và môi trường.

**Hợp tác:** Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.

**Tôn trọng:** TASCOT luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.

**Sáng tạo:** Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.

**Học tập:** Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

### 5.1. Mục tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Tổng doanh thu (tỷ đồng)	830	2.536	2.030
2. Cổ tức (%)	10%	12%	12%
3. Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	154	250	270
4. Vốn điều lệ (tỷ đồng)	1.280	1.350	1.450

### 5.2. Chiến lược phát triển

Theo Định hướng chiến lược Công ty giai đoạn 2012 - 2016 (Điều chỉnh lần 1), định hướng sản phẩm kinh doanh như sau:

- Sản phẩm thầu xây dựng: Tập trung chủ yếu vào phát triển sản phẩm thầu xây dựng các công trình cầu, hầm, bến cảng, đường giao thông và hạ tầng khu công nghiệp, các công trình thủy lợi và công trình xây dựng dân dụng theo lộ trình.

- Sản phẩm bất động sản:

+ Sản phẩm bất động sản hạ tầng giao thông: Tập trung vào đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, BT,...

+ Sản phẩm bất động sản nhà ở: Giảm tỷ trọng và chuyển sang sản phẩm nhà ở thương mại

có diện tích nhỏ và nhà ở thu nhập thấp.

## 6. Các rủi ro

Công ty Cổ phần TASCOT là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng thi công các công trình hạ tầng cơ sở bao gồm công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh phát triển nhà ở và khu đô thị. Bên cạnh đó, trong các năm gần đây Công ty đã bắt đầu mở rộng lĩnh vực hoạt động của mình sang mảng đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, BT. Đặc thù ngành nghề hoạt động dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

### 6.1. Rủi ro trong lĩnh vực xây dựng và đầu tư hạ tầng giao thông

\* **Rủi ro chính sách:** Kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chính sách đầu tư công cho cơ sở hạ tầng và khả năng của Công ty thắng thầu trong các dự án đầu tư này. Chi đầu tư công cho cơ sở hạ tầng lại phụ thuộc vào tình trạng của nền kinh tế Việt Nam. Khi chi đầu tư công giảm do nền kinh tế suy thoái, chính sách chi tiêu của chính phủ hoặc các nguyên nhân khác có thể gây ảnh hưởng không tốt đến tài chính và kết quả hoạt động của Công ty.

\* **Rủi ro về cạnh tranh:** Lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam cạnh tranh ở mức độ khá cao. Trong nước, các nhà xây dựng cơ sở hạ tầng lớn như Tổng Công ty Sông Đà, Vinaconex, HUD, Lũng Lô; nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam còn đến từ nước ngoài khá nhiều nên các nhà thầu xây dựng như Nhật Bản, Trung Quốc cũng là những đối thủ cạnh tranh lớn trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng. Mức độ cạnh tranh cao có thể làm giảm tỉ suất lợi nhuận trong ngành và có thể có cả của Công ty.

\* **Rủi ro về vốn, thanh toán:** Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp, các công trình hoàn thành thường bị chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, hệ quả là Công ty thường xuyên phải duy trì hệ số nợ ở mức cao với tỷ trọng nợ ngắn hạn là chủ yếu để tài trợ vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh thường ngày. Việc duy trì hệ số nợ cao cộng với việc bị chiếm dụng vốn dài ngày có thể sẽ gây ra rủi ro mất khả năng thanh toán khi Công ty không thu hồi được các khoản nợ, hoặc khách hàng lớn của Công ty bị phá sản.

\* Một số hợp đồng BOT và BT trong đó Công ty được giao vận hành các công trình sau khi hoàn thành để tạo nguồn thu bù đắp chi phí và tạo lợi nhuận hoặc đổi đất lấy hạ tầng mà trong đó nguồn thu từ tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ở các hợp đồng này, thời gian thực hiện dự án (tính đến thời điểm thu hồi vốn đầu tư) là khá dài. Nguồn thu từ các dự án BOT được thực hiện trong nhiều năm và phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như lưu lượng giao thông, mức phí giao thông được phép thu, thuế và các chính sách, do vậy hiệu quả sản xuất kinh doanh không được ghi nhận ngay mà được ghi nhận dần qua các năm về sau. Nguồn thu từ dự án BT Xuân Phương phụ thuộc vào tình hình thị trường bất động sản, các điều khoản thỏa thuận với các nhà đầu tư thứ phát và rất nhiều các yếu tố liên quan khác. Chính sự phức tạp trong việc thực hiện dự án trên sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hay cách khác là ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

\* Khả năng đảm bảo vốn tự có tối thiểu, các chỉ số tài chính hoặc các cam kết tài chính ở những dự án hạ tầng lớn có thể thay đổi. Mặc dù trong quá khứ Công ty đáp ứng được những yêu cầu này nhưng trong tương lai, nếu thị trường chứng khoán còn ảm đạm, Công ty có thể gặp nhiều khó khăn trong việc huy động để đảm bảo yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

\* Công ty hiện cũng đối mặt với rủi ro về sự biến động giá cả thị trường và nguồn cung cấp nguyên vật liệu không ổn định. Những nguyên liệu đầu vào quan trọng của Công ty là nhựa đường, xăng dầu, sắt thép, cát, đá, sỏi, xi măng, ... ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD của Công ty.

## 6.2. **Rủi ro trong hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản**

\* **Rủi ro pháp lý dự án:** Công ty có thể gặp rủi ro không thực hiện được dự án theo đúng tiến độ hoặc không hoàn thành kế hoạch kinh doanh nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến.

\* **Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng:** Đây là đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Tại địa bàn Hà Nội, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đang được sử dụng, vì vậy công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định. Điều này gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án cũng như tác động trực tiếp đến chi phí đầu tư và doanh thu của doanh nghiệp.

\* **Rủi ro về cạnh tranh:** Hiện nay, trên địa bàn cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị và các dịch vụ kèm theo. Đặc biệt khu vực Hà Nội và các tỉnh lân cận đang tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn như: VINACONEX, HUD,... Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức và các nhà đầu tư nước ngoài có thương hiệu, uy tín và tiềm lực vào hoạt động và cạnh tranh khốc liệt với các Công ty xây dựng và kinh doanh bất động sản trong nước.

\* **Rủi ro về thị trường:** Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài. Chủ đầu của các dự án xây dựng phải trường vốn cho quá trình xây dựng và thi công. Theo quy định, sau khi các dự án đã hoàn thiện phần móng, chủ đầu tư có thể huy động vốn từ người mua, tuy nhiên thành công của việc huy động này phụ thuộc rất nhiều vào thị trường bất động sản. Nếu việc huy động không đạt được mức vốn cần thiết, chủ đầu tư phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian chiếm dụng vốn vay dài. Như vậy, Công ty trong vai trò là chủ đầu tư có thể phải đối mặt với rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Những đặc thù của ngành có thể sẽ gây ra rủi ro giảm khả năng thanh toán và giảm lợi nhuận dự kiến.

## 6.3. **Rủi ro lãi suất**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hạ tầng giao thông và kinh doanh bất động sản nên vốn vay rất lớn. Vì vậy Công ty chịu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2013	NĂM 2014			So với năm 2013 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt kế hoạch (%)	
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>707</b>	<b>1.000</b>	<b>916</b>	<b>91,06 %</b>	<b>129,56%</b>
	<i>Thầu xây dựng</i>	<i>596</i>	<i>800</i>	<i>900</i>	<i>112,5%</i>	<i>151,01%</i>
	<i>Đầu tư</i>	<i>111</i>	<i>200</i>	<i>16</i>	<i>8%</i>	<i>14,41%</i>
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10,93</b>	<b>180</b>	<b>256</b>	<b>142,2%</b>	<b>2.342,18%</b>

Doanh thu bán hàng năm 2014 đạt 916 tỷ đồng, tương đương 91,06% so với kế hoạch năm và bằng 129,56% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt 256 tỷ đồng, tương đương 160% kế hoạch năm và bằng 2.342,18% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng đột biến nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính tăng: Công ty đã hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn Phủ Lý - Mỹ Lộc và bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty ghi nhận lợi nhuận của dự án trong kỳ báo cáo.

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

##### 2.1.1. Ông Vũ Quang Lâm

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/04/1975

Nơi sinh: Thành phố Nam Định – tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thành phố Nam Định – tỉnh Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162043265

Địa chỉ thường trú: P1106, CT5, X2, Bắc Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

*Q.L*

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997-1999	Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	Cán bộ kỹ thuật hiện trường
1999-2001	Công ty Samwhan Corporation – Hàn Quốc	Phó phòng chất lượng
2001 - 2006	Công ty Cổ phần XDGT và CSHTND	Cán bộ kỹ thuật
2006 - 2008	Công ty Cổ phần Thành Công	Phó GD kiêm GD chi nhánh
2008-2011	Công ty Cổ phần Tasco	Giám đốc ban QLDA
2011-2012	Công ty CP TASCÓ	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
2012-2014	Công ty CP TASCÓ	Phó TGD Đầu tư – UV HĐQT
5/2014 đến nay	Công ty CP TASCÓ	Tổng giám đốc – UV HĐQT

Số cổ phần nắm giữ: 2.586.931 cổ phần.

2.1.2. Ông Trịnh Xuân Nam:

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc thầu xây dựng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/04/1971

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Lô 3 thửa 2 khu Tái định cư Đồng Quýt, Lộc An, tỉnh Nam Định

Chứng minh nhân dân: 163118381

Địa chỉ thường trú: Lô 3 thửa 2 khu Tái định cư, Đồng Quýt, Lộc An, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994 - 1997	Công ty Công trình giao thông 124	Cán bộ kỹ thuật
1997 - 2008	Công ty xây lắp 386 - Binh đoàn 11	Phó giám đốc
2008 - 2010	Công ty Cổ phần Tasco - CN Nam Định	Nhân viên giám sát
04/2010 – 07/2010	Công ty Cổ phần xây dựng Tasco	Phó giám đốc Ban QLDA
7/2010 – 11/2013	Công ty Cổ phần xây dựng Tasco	Giám đốc Ban QLDA 21
11/2013 – 06/2014	Công ty TNHH Một thành viên Tasco Nam Định	Phó Giám đốc
06/2014 – 11/2014	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Giám đốc
11/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Tasco	Phó Tổng giám đốc

**2.1.3. Kế toán trưởng: Bà Lê Thị Ngọc**

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày sinh: 08/11/1977  
 Nơi sinh: Thanh Hóa  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Quê quán: Thanh Hóa  
 Chứng minh nhân dân: 012742578 cấp ngày 10/ 12 / 2004 tại Công An Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú: Tổ 20B Phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà nội  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 - T11/2007	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	Kế toán
T11/2007 - T5/2008	Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp cao tầng	Phó phòng Kế toán
T5/2008 - T7/2009	Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp cao tầng	Kế toán trưởng
T7/2009 - T11/2009	Công ty CPĐT và xây dựng Sông Hồng 9	Kế toán trưởng
T1/2010 - T12/2010	Công ty Cổ phần Tasco	Kế toán
T12/2010 - T5/2012	Công ty Cổ phần Tasco	Phó phòng Kế toán
T5/2012 - nay	Công ty Cổ phần Tasco	Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ: 24.120 cổ phần

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành**

Ông Cao Văn Hưng                      Tổng giám đốc  
 (Miễn nhiệm ngày 12/05/2014)

Ông Vũ Quang Lâm                      Tổng giám đốc  
 (Bỏ nhiệm ngày 12/5/2014)

Ông Hà Thanh Bình                      Phó Tổng Giám đốc Thầu xây dựng  
 (Miễn nhiệm ngày 06/06/2014)

Ông Nguyễn Đức Kiên                      Phó Tổng Giám đốc Thầu xây dựng  
 (Bỏ nhiệm ngày 06/06/2014)

Ông Nguyễn Đức Kiên                      Phó Tổng Giám đốc Thầu xây dựng  
 (Miễn nhiệm ngày 08/11/2014)

Ông Trịnh Xuân Nam                      Phó Tổng Giám đốc Thầu xây dựng  
 (Bỏ nhiệm ngày 08/11/2014)

### 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

#### 2.3.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty đến 31/12/2014 là 101 người, trong đó:

- Phân theo trình độ:
- + Trên đại học: 7
- + Đại học: 72
- + Cao đẳng, trung cấp: 5
- + Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 17
- Phân theo chức năng:
- + Lao động gián tiếp: 83
- + Lao động trực tiếp: 18

#### 2.3.2. Chính sách đối với người lao động:

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.
- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, giám định sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...
- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập;...
- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.
- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, đội trưởng/ chủ nhiệm công trình và công nhân. Điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBCNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư chủ yếu

##### **Dự án BOT Quốc lộ 10:**

+ Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng toàn tuyến. Tăng mức phí thu lên 3 lần từ 01/01/2015.

+ Giá trị đầu tư lũy kế đến 31/12/2014 là 589 tỷ đồng.

##### **Dự án BOT Quốc lộ 21:**

+ Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng toàn tuyến. Tăng mức phí thu lên 2 lần từ tháng 01/6/2013.

+ Đã triển khai xây dựng và đưa trạm thu phí Mỹ Lộc mới đi vào hoạt động. Hiện đang làm thủ tục GPMB 5000m<sup>2</sup> đất phục vụ xây dựng nhà điều hành Trạm thu phí.

+ Giá trị đầu tư đến hết 31/12/2014 là 479 tỷ đồng.

##### **Dự án BT39, Thái Bình do Công ty Tasco Nam Thái làm Doanh nghiệp dự án:**

+ Đã cơ bản hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và thi công được gần 90% khối lượng xây lắp.

+ Giá trị đầu tư đến hết 2014 là 1.238 tỷ đồng.

##### **Dự án BT21, Nam Định - Phủ Lý do Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định làm Doanh nghiệp dự án:**

Dự án đã thực hiện hoàn thành và thông xe từ ngày 11/01/2014 và đã bàn giao cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tháng 10/2014.

##### **Dự án BOT Quốc lộ 1 Quảng Bình do Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình làm Doanh nghiệp dự án:**

+ Khởi công dự án từ ngày 24/4/2013 với giá trị hợp đồng BOT là 1.983 tỷ đồng và thời gian thu hồi vốn 22 năm. Dự kiến đến 30/4/2015 hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng toàn tuyến.

+ Giá trị đầu tư đến hết năm 2014 đạt 1.074 tỷ đồng.

##### **Dự án tuyến đường Lê Đức Thọ đến đường 70, Từ Liêm, Hà Nội:**

+ Tiếp tục công tác GPMB của dự án.

+ Giá trị thực hiện lũy kế đến 31/12/2014 đạt 397 tỷ đồng.

##### **Dự án đơn vị ở 2, đơn vị ở 3 - Khu đô thị Xuân Phương, Hà Nội (nay là khu nhà ở sinh thái Xuân Phương) :**

+ Hiện đã phê duyệt quy hoạch điều chỉnh chi tiết 1/500 cũng như xác định lại nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

+ Giá trị đầu tư đến hết năm 2014 đạt 565 tỷ đồng.



**b) Các Công ty con**

Năm 2014 được đánh giá vẫn còn nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp trong ngành xây dựng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT và người đại diện vốn tại các doanh nghiệp cũng như nỗ lực của các Công ty con, Công ty liên kết, các Công ty cũng đã đạt được những kết quả như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Tên Công ty con	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty TNHH một thành viên Tasco 6	654.969	102.074	7.278	5.677
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	968.489	790	1.700	1.326
3	Công ty TNHH một thành viên Tasco Quảng Bình	1.185.375			
4	Công ty TNHH một thành viên Tasco Nam Định	1.024.114	1.605.026	332.207	259.122
5	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	39.563	145.568	1.667	1.276

**4. Tình hình tài chính (Theo báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán)**

**4.1. Tình hình tài chính**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	3.657.030	3.371.987	8,45%
Doanh thu thuần	909.032	695.552	30,69%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	259.911	10.245	2.436,95%
Lợi nhuận khác	-4.043	689	- 686,55%
Lợi nhuận trước thuế	255.868	10.934	2.240,11%
Lợi nhuận sau thuế	255.831	10.023	2.452,44%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%		

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2014 đạt 909 tỷ đồng, tăng 30,69% so với năm 2013; Lợi nhuận sau thuế đạt 256 tỷ đồng, tăng 245.808 tương đương tăng 2.452,44%. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng đột biến nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính tăng: Công ty đã hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn Phú Lý - Mỹ Lộc và bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty ghi nhận lợi nhuận của dự án trong kỳ báo cáo.

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,04	1,05
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,96	0,93
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,79
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,91	3,79
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	10,13	4,91
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,25	0,21
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	28,14%	1,44%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	26,08%	1,62%
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%)	7,00%	0,31%
- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	28,59%	1,47%

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**5.1. Cổ phần:** Tổng số cổ phần: 94.647.491 cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành vào ngày 31/12/2014

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	74.647.491
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	20.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>94.647.491</b>

**5.2. Cơ cấu cổ đông:** (Theo danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2014 sau khi chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013)

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	30.342.454	32,06%
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	64.305.037	67,94%

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	17.475.301	18,46%
2	Cổ đông là cá nhân	77.172.190	81,54%

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	87.652.031	92,61%
2	Cổ đông ngoài nước	6.995.460	7,39%

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị	5.429.376	5,74%
2	Cổ đông khác	89.218.115	94,26%

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Đơn vị: Triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Tháng 04/2014	846.474	200.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10/03/2014 của hội đồng quản trị.
Tháng 12/2014	946.474	100.000	Thực hiện chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2013; Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/6/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:**

Số trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu đang lưu hành vào ngày 31/12/2014

STT	Loại trái phiếu	Số lượng TP lưu hành
1	Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu	0
2	Trái phiếu không thể chuyển đổi	0
	<b>Tổng cộng</b>	0

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Nội dung này đã được trình bày trong Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Mục 1 phần II.

**2. Tình hình tài chính**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ	
	31/12/2014	31/12/2013
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.657</b>	<b>3.372</b>
Tài sản ngắn hạn	717	1.001
Tài sản dài hạn	2.940	2.371
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>3.657</b>	<b>3.372</b>
Nợ phải trả	2.399	2.668
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.258	704

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty năm 2014 so với năm 2013 tăng 285 tỷ đồng, tương đương 8,45%. Trong đó, tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là do Công ty thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức BT và BOT như: Tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70, dự án BOT quốc lộ 21, dự án BOT quốc lộ 10, khu nhà ở sinh thái Xuân Phương, khu đô thị mới Vân Canh,... và đầu tư vào tài sản cố định.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Trong năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; tập trung vào một số việc như sau:

- Phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.
- Xây dựng và vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; áp dụng và duy trì Hệ thống Mục tiêu BSC trong toàn Công ty gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty.
- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng quý, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu.
- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng.

- Công ty tiếp tục triển khai dự án tư vấn của Công ty TNHH KPMG nhằm nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn cho cổ đông.
- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tổ chức chứng nhận BVQI đã đánh giá và tái chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008 cho Công ty trong 2013.
- Đào tạo hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007
- Ban hành quy chế phân quyền, nhằm góp phần nâng cao hệ thống kiểm soát của Công ty đồng thời tăng cường trách nhiệm của các vị trí trong ban Điều hành và ban hành bộ định mức chi phí toàn Công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý chi phí.- Công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN.

**4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015**

**4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

Theo nhận định, năm 2015 sẽ là năm có những tín hiệu khả quan từ kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn là một năm còn khó khăn. Trong bối cảnh đó, Ban Tổng Giám đốc trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

*Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	Các chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>916</b>	<b>830</b>
	<i>Thầu Xây dựng</i>	<i>900</i>	<i>707</i>
	<i>Đầu tư và cung cấp dịch vụ</i>	<i>16</i>	<i>123</i>
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>256</b>	<b>154</b>
<b>3</b>	<b>Cổ tức</b>	12%	10%

**4.2. Kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư năm 2015**

Kế hoạch thực hiện một số dự án đầu tư chủ yếu trong năm 2015 của Công ty:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thực hiện đến 31/12/14	KHTH năm 2015	Nhu cầu vốn CSH bổ sung năm 2015
1	Dự án cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ cầu La Uyên đi Cầu Tân Đệ tỉnh Thái Bình - BOT 10	650	589	3	3
2	Dự án BOT tuyến đường bộ mới Nam Định-Phủ Lý đoạn từ thành phố Nam Định đến thị trấn Mỹ Lộc - BOT 21	487	479	2	2
3	Dự án mở rộng BOT QL1A đoạn Quảng Bình	1.983	1.074	507	77
4	Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp đường 39B theo hình thức Hợp đồng BT-BOT39	2.372	1.238	678	102
5	Dự án ĐTXD tuyến đường Lê Đức Thọ đến đường 70	1.543	397	244	25
6	Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	2.000	565	106	21
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng theo hình thức Hợp đồng BOT	2.815	0	415	63
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.850</b>	<b>4.342</b>	<b>1.955</b>	<b>293</b>

Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015: Ngoài số vốn tự có tham gia theo quy định, Công ty còn huy động thêm các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và các nhà đầu tư khác để triển khai thực hiện dự án và bổ sung vốn lưu động.

**5. Các giải pháp thực hiện năm 2015**

**5.1. Đối với sản phẩm Xây lắp.**

- Đẩy mạnh công tác bán hàng và tăng cường quản lý chất lượng công trình nhằm đảm bảo tốc độ tăng doanh thu và mở rộng đối tượng khách hàng.
- Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, đảm bảo chất lượng các công trình đang thi công để tiếp thị, phát triển thị trường tại các địa phận mới như: Hải Phòng, Lào Cai, Cao Bằng,... và mở rộng tiếp cận đối với các nguồn vốn nước ngoài (ODA, WB) hoặc vốn tư nhân.
- Nâng cao hiệu quả đấu thầu và tập trung cho các gói thầu quy mô lớn, điều kiện thi công tốt hơn nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tốc độ tăng trưởng của Công ty.
- Nâng cao năng lực của Công ty trên thị trường thông qua việc liên danh, liên kết với các nhà thầu quốc tế hoặc các đối tác lớn để có thể tham gia những gói thầu theo Luật đấu thầu Quốc tế với quy mô từ 500 tỷ đồng trở lên.

**5.2. Đối với hoạt động Đầu tư**

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT, BT tạo nên sự phát triển bền vững;
- Nâng cao năng lực của Công ty để đảm bảo đủ khả năng làm Chủ đầu tư các dự án BOT, BT.

**5.3. Đối với hoạt động tài chính**

- Phát triển các kênh huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán và duy trì, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính.
- Chú trọng và duy trì tốt công tác lập kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn để xác định nhu cầu vốn cho từng thời kỳ nhằm hoạch định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, khách hàng...
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết, tập trung vốn đầu tư vào các Công ty hoạt động có hiệu quả.
- Thúc đẩy công tác thu hồi vốn từ các khối lượng công trình đã được Chủ đầu tư nghiệm thu để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

**6. Công tác quản lý điều hành**

- Rà soát và hoàn thiện đề nâng cấp hệ thống Quy định, Quy trình theo tư vấn của KPMG; duy trì và cải tiến hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Hoàn thành và vận hành hệ thống quản trị rủi ro tại Công ty.  
Tiếp tục áp dụng giao mục tiêu - đánh giá mục tiêu - chuyển kết quả vào tính lương thưởng nhằm khích lệ người lao động tăng năng suất.
- Xây dựng và truyền thông về thương hiệu TARIC, xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo đúng giá trị cốt lõi của Công ty.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2014, HĐQT đã kịp thời đưa ra các quyết định chiến lược, chỉ đạo và giám sát trong hoạt động đầu tư phát triển, tái cơ cấu toàn Công ty nhằm nâng cao hoạt động quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, doanh thu năm 2014 đạt 916 tỷ đồng, đạt 91,6% so với kế hoạch năm và vượt 29,6% so với năm 2013; lợi nhuận trước thuế đạt 256 tỷ đồng, vượt kế hoạch 142%, tăng 23,4 lần so với năm 2013.- Về phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược: Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phần với tổng mệnh giá là 200 tỷ đồng vào quý 1/2014.

- Về chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013 thành cổ phiếu: Công ty đã thực hiện chuyển đổi thành công 100.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.

- Về hoạt động của các tiểu ban: Chất lượng hoạt động của các Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Tiểu ban Nhân sự và Chế độ đãi ngộ; Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ và Tiểu ban Văn hóa Doanh nghiệp ngày một nâng cao tạo ra môi trường làm việc dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể trong việc đưa ra nhiều quyết sách trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Trong năm qua, nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Tuy nhiên, Ban TGD cần quan tâm và làm tốt hơn nữa công tác giao việc và ủy quyền để giảm tải bớt công việc, tập trung vào công tác quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Đồng thời, Ban TGD cần tập trung đào tạo nội bộ để nâng cao năng lực của CBNV trong Công ty.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2015

### 3.1. Định hướng kinh doanh

Trong năm 2015, HĐQT Công ty định hướng tiếp tục giữ vững và tăng trưởng mạnh mẽ các sản phẩm trong các lĩnh vực sau:

+ Sản phẩm truyền thống là thầu xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi và xây dựng dân dụng có giá trị lớn;

+ Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT và BT với tổng giá trị dự án đầu tư 5.000 tỷ đồng.

+ Tiếp tục triển khai các dự án bất động sản đã xong thủ tục pháp lý.

### 3.2. Công tác quản trị

- Các tiểu ban: Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư; Tiểu ban Nhân sự và Chế độ đãi ngộ; Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ và Tiểu ban Văn hóa Doanh nghiệp cần phát huy hơn nữa vai trò giúp việc cho HĐQT trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ (Trên cơ sở hoàn thành dự án tư vấn của KPMG) và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng;

- Tiếp tục vận hành đồng bộ hệ thống đánh giá nhân sự để đảm bảo tính công bằng nhằm nâng cao năng suất lao động và tạo động lực làm việc cho CBNV;

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc xây dựng và truyền thông văn hóa doanh nghiệp theo lộ trình;

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh;

### 3.3. Giao mục tiêu tài chính năm 2015 cho TGD:

- Tổng doanh thu:	2.236 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	154 tỷ đồng
- Cổ tức:	10%/Năm



**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

**1.1. Tổ chức nhân sự**

HĐQT gồm 07 thành viên là những người có nhiều kinh nghiệm trong quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính và đầu tư. Trong đó, 3 thành viên HĐQT chuyên trách không trực tiếp tham gia điều hành, 3 thành viên trực tiếp tham gia điều hành và 1 thành viên là đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty.

Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác định hướng, quản trị và giám sát các hoạt động điều hành của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT : 19,31%.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ/ mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng Công ty đầu tư phát triển Nhà và đô thị	Ủy viên HĐQT	5.429.376	5,74%
2	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	6.485.794	6,85%
3	Phạm Văn Lương	Phó chủ tịch HĐQT	2.737.493	2,89%
4	Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	574.964	0,61%
5	Phạm Thị Nhân	Ủy viên HĐQT	375.634	0,40%
6	Vũ Quang Lâm	Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ	2.586.931	2,73%
7	Nguyễn Ngọc Hùng	Ủy viên HĐQT	86.480	0,09%
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>18.276.672</b>	<b>19,31%</b>

**Danh sách thành viên HĐQT:**

**1. Ông Phạm Quang Dũng**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/04/1954

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hải Phương - Hải Hậu – Nam Định

Chứng minh nhân dân: 01302570 cấp ngày 12/12/2007 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: E2103 – The Manor, Mỹ Đình, Sông Đà, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

*QAB*

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/1980-08/1994	Ban chỉ huy công trường Thủy Lợi – Hải Hậu	Kế toán
08/1994-06/1997	Công ty xây dựng huyện Hải Hậu – Nam Định	Đội trưởng đội thi công – Phó giám đốc
7/1997-10/1998	Công ty công trình Giao thông Nam Định	Phó Giám đốc
11/1998-12/2000	Công ty công trình Giao thông Nam Định	Giám đốc
T1/2001 đến nay	Công ty Cổ phần Tasco	Chủ tịch HĐQT

2. Ông Phạm Văn Lương

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/09/1957

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Liêm Hải - Ninh Nam - Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162057066

Địa chỉ thường trú: Số nhà 22 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán ngành kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1973 - 1976	Ty Thủy lợi – Hà Nam Ninh	Công nhân kỹ thuật
1977 - 1978	Trường nghiệp vụ I Thủy lợi – Mê Linh – Vĩnh Phúc	Sinh viên
1978 - 1983	Trường sỹ quan công binh	Học viên
1983 - 1988	Trường sỹ quan công binh Sông Bé	Giáo viên
1988 - 1997	Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	Quản đốc
1997- 1998	Đội khai thác Công ty liên doanh CT miền Trung	Đội trưởng
1998 - 2002	Đội công trình 14 Công ty công trình giao thông NĐ	Đội trưởng
2002 - 2009	Công ty cổ phần ( Thành Công ) Tasco	Giám đốc
2009 - 5/2012	Công ty CP TASCÓ	Tổng Giám Đốc
5/2012 - nay	Công ty CP TASCÓ	Phó Chủ tịch HĐQT

**3. Ông Vũ Quang Lâm**

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/04/1975

Nơi sinh: Thành phố Nam Định – tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thành phố Nam Định – tỉnh Nam Định

Chứng minh nhân dân: 162043265

Địa chỉ thường trú: P1106, CT5, X2, Bắc Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1997 - 1999	Tổng Công ty xây dựng Sông Đà	Cán bộ kỹ thuật hiện trường
1999 - 2001	Công ty Samwhan Corporation – Hàn Quốc	Phó phòng chất lượng
2001 - 2006	Công ty Cổ phần XDGT và CSHTNĐ	Cán bộ kỹ thuật
2006 - 2008	Công ty Cổ phần Thành Công	Phó GD kiêm GD chi nhánh
2008 - 2011	Công ty Cổ phần Tasco	Giám đốc ban QLDA
2011 - 2012	Công ty CP TASCО	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
2012 - 2014	Công ty CP TASCО	Phó TGD Đầu tư – UV HĐQT
5/2014 - nay	Công ty CP TASCО	Tổng giám đốc – UV HĐQT

**4. Bà Trần Thị Thanh Tân**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 7/8/1971

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Vũ Bản – Bình Lục – Hà Nam

Chứng minh nhân dân: 162076741

Địa chỉ thường trú: C6T6, tòa 335, Cầu Giấy, Dịch Vọng, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

*QTB*

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1994-T10/2001	Công ty CP TASCOT	Kế toán đội
2001-T3/2003	Công ty CP TASCOT	Kế toán tổng hợp
T4/2003-T6/2007	Công ty CP TASCOT	Kế toán trưởng
T7/2007-T7/2011	Công ty CP TASCOT	TP kiểm toán nội bộ
T8/2011- T5/2012	Công ty CP TASCOT	Phó TGD Tài chính
T5/2012 đến nay	Công ty CP TASCOT	Ủy viên Hội đồng quản trị

**5. Bà Phạm Thị Nhân**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 22/02/1962

Nơi sinh: Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Hồng Thuận – Giao Thủy - Nam Định

Chứng minh nhân dân: 160264836 cấp ngày 07/07/1978 tại Nam Định

Địa chỉ thường trú: 118- Giải phóng – Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1983-1985	Xí nghiệp gạch Nam An	Nhân viên kế toán
1985-2007	Công ty XNK thủ công mỹ nghệ tỉnh Nam Định	Kế toán trưởng
5/2007 – 5/2012	Công ty cổ phần Tasco	Kế toán trưởng
5/2012 đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên Hội đồng quản trị

**6. Ông Nguyễn Ngọc Hùng:**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị-Giám đốc phát triển thị trường

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 13/8/1978

Nơi sinh: Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Trung Hưng, Yên Mỹ, Hưng Yên

Chứng minh nhân dân: 013124443 cấp ngày 27/09/2008 tại Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Khu đô thị mới Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000-2004	Tổng công ty XDCT giao thông	Cán bộ Kỹ thuật
2004-2007	Công ty cổ phần giao thông Sông Đà	Đội trưởng
8/2007 – 11/2008	Công ty cổ phần Tasco	Trưởng phòng Đầu tư
12/2008-4/2014	Công ty cổ phần Tasco	Trưởng phòng PTTT, Giám Đốc phát triển thị trường
5/2014 đến nay	Công ty cổ phần Tasco	Ủy viên HĐQT- Giám Đốc phát triển thị trường

**1.2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Trong năm 2014, HĐQT của Công ty đã tổ chức 23 cuộc họp và ban hành 23 Nghị quyết, Quyết định nhằm hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp cũng như diễn biến thị trường và hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 do ĐHCĐ giao. Các phiên họp của HĐQT đều có biên bản họp ghi lại đầy đủ, trung thực các ý kiến đóng góp của thành viên HĐQT, Nghị quyết về các vấn đề được HĐQT nhất trí thông qua và các Quyết định của HĐQT cụ thể hóa các nội dung tại Nghị quyết.

Thành viên của Văn phòng HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT chuyên trách và một số thành viên khác, thực hiện chế độ họp định kỳ hàng tuần để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT và các nhiệm vụ do HĐQT giao, đồng thời chủ động sát cánh cùng ban điều hành trong việc giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung với năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên, chất lượng hoạt động của HĐQT ngày càng được nâng cao, tạo ra môi trường làm việc dân chủ, phát huy sức mạnh tập thể trong việc đưa ra nhiều quyết sách đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **1.3. Hoạt động của Thành viên HĐQT**

Trong năm 2014, Chủ tịch HĐQT đã quản lý và điều hành chiến lược phát triển Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

Từng thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình trong công tác quản trị và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành trong từng lĩnh vực.

Thông qua các buổi họp giao ban hàng tuần, từng thành viên HĐQT chuyên trách đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

### **1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT**

Năm 2014, các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc cho Hội đồng Quản trị. Cụ thể:

Giám sát thực hiện chiến lược thông qua các báo cáo định kỳ về các vấn đề chiến lược, đầu tư.

Giám sát vận hành hệ thống đánh giá nhân sự.

Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Đảm bảo Công ty tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong Công ty.

## **2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

### **2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có 3 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên:

- Ông Phạm Huy Hoàng: Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Đoàn: Thành viên
- Ông Phạm Hồng Điệp: Thành viên

### **2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đại diện cho cổ đông đã thường xuyên giám sát toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý Công ty.

Hàng quý, Ban kiểm soát họp và đánh giá các mặt hoạt động của Công ty, đề ra các nhiệm vụ giám sát cụ thể của từng thành viên cho từng quý và các vấn đề cần tập trung giám sát, cụ thể: giám sát về thực hiện quy chế, giám sát về quản lý tài chính,... Thông qua Điều lệ, các Nghị quyết của HĐQT, việc điều hành của Ban Tổng Giám đốc và qua các sổ sách báo cáo kế toán của các quý, năm.

Ban Kiểm soát thường xuyên tiếp xúc và tiếp nhận thông tin từ các cổ đông; xem xét nghiêm túc các ý kiến của Cổ đông và có ý kiến với HĐQT để giải quyết kịp thời.

## **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2013**

- Năm 2014, Công ty thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết đã được Đại hội thông qua ngày 05/06/2014 bằng 1% lợi nhuận trước thuế của năm 2014, tương ứng với số tiền 2.558.000.000 đồng.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị	Thành viên HĐQT	5.429.376	8,40	5.429.376	5,74	
2	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	6.485.794	10,03	6.485.794	6,85	
3	Phạm Văn Hải	Em ruột CT HĐQT	336.000	0,52	0	0	Giảm do nhu cầu công việc gia đình
4	Trần Thị Cúc	Vợ CT HĐQT	80.520	0,12	80.520	0,09	
5	Phạm Thị Nhài	Con CT HĐQT	57.600	0,09	57.600	0,06	
6	Phạm Thế Hùng	Con CT HĐQT	24.144	0,04	24.144	0,03	
7	Phạm Văn Lương	Phó CT HĐQT	1.887.494	2,92	2.737.494	2,89	Tăng lên do mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
8	Trương Thị Nụ	Vợ Phó CT HĐQT	9.600	0,01	9.600	0,01	
9	Phạm Thị Hoa	Con Phó CT HĐQT	100	0,0001	100	0,0001	
10	Vũ Quang Lâm	Thành viên HĐQT	2.586.931	4,00	2.586.931	2,73	
11	Phạm Thanh Tâm	Vợ TV. HĐQT	52.800	0,08	852.800	0,9	Tăng lên do mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
12	Vũ Thị Loan	Em TV. HĐQT	3.480	0,01	3.480	0,0037	
13	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	74.964	0,12	574.964	0,61	Tăng lên do mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
14	Vũ Duy Hưng	Chồng TV. HĐQT	1.163.372	1,80	1.163.372	1,23	
15	Phạm Thị Nhàn	Thành viên HĐQT	75.634	0,12	375.634	0,0040	Tăng lên do mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược

16	Cao Văn Hưng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	633.010	0,98	0	-
17	Phạm Huy Hoàng	Trưởng ban kiểm soát	5.844	0,01	5.844	0,0001
18	Phạm Hồng Điệp	Thành viên ban kiểm soát	315.260	0,49	315.260	0,0033
19	Nguyễn Văn Đoàn	Thành viên ban kiểm soát	6.000	0,01	6.000	0,0001
20	Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng	24.120	0,04	24.120	0,0003
21	Nguyễn Ngọc Hùng	Giám đốc PTTT	0	0	86.480	0,09

**- Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị, phát triển nguồn nhân lực của Công ty là một trong nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT. Năm 2014, HĐQT đã thực hiện điều chỉnh, sửa đổi và ban hành một số văn bản, như sau:

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đã áp dụng giao và đánh giá mục tiêu đến từng Phòng/Ban Công ty nhằm đảm bảo hiệu quả và công bằng trong công tác quản lý và đánh giá nhân sự;
- Tiếp tục xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro (Thuê tư vấn KPMG) nhằm quản lý và bảo toàn vốn cho các cổ đông để đem lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động SXKD của Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý kiến kiểm toán:** Theo ý kiến của Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam – CPA VIETNAM, Báo cáo tài chính Công ty mẹ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TASCOT đã được kiểm toán**

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất:

<http://taric.com.vn/>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>716.969.741.392</b>	<b>1.001.044.385.764</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>111.813.807.393</b>	<b>24.436.676.575</b>
1. Tiền	111		54.613.807.393	24.179.676.575
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.200.000.000	257.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.372.092.168</b>	<b>38.579.510.005</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	12.372.092.168	38.579.510.005
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>489.949.362.703</b>	<b>800.741.924.196</b>
1. Phải thu khách hàng	131		380.666.291.338	495.834.316.788
2. Trả trước cho người bán	132		67.311.478.685	148.254.663.540
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	42.219.542.998	157.412.086.333
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(247.950.318)	(759.142.465)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>55.219.853.353</b>	<b>116.720.126.563</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	55.219.853.353	116.720.126.563
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.614.625.775</b>	<b>20.566.148.425</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	21.390.765.860	5.162.693.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.217.822.467	371.141.874
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	25.006.037.448	15.032.313.336
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>2.940.060.530.544</b>	<b>2.370.943.002.379</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>638.075.247.730</b>	<b>684.677.283.048</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	638.075.247.730	684.677.283.048
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.553.855.081.296</b>	<b>1.300.176.984.944</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	26.749.583.405	17.912.905.553
- Nguyên giá	222		43.070.311.641	34.895.294.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.320.728.236)	(16.982.388.622)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	96.790.975	122.575.421
- Nguyên giá	228		656.459.888	750.596.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(559.668.913)	(628.021.467)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.527.008.706.916	1.282.141.503.970
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>742.769.077.898</b>	<b>380.981.258.522</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	639.445.715.898	356.486.724.238
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	20.769.700.000	19.450.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.13	85.212.349.400	6.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.658.687.400)	(1.795.465.716)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.361.123.620</b>	<b>5.107.475.865</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	5.361.123.620	5.107.475.865
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>3.657.030.271.936</b>	<b>3.371.987.388.143</b>

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>2.399.105.358.819</b>	<b>2.667.914.832.047</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>691.435.530.001</b>	<b>955.224.040.531</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.15	297.674.184.019	482.509.491.851
2. Phải trả người bán	312		122.423.061.403	199.818.881.122
3. Người mua trả tiền trước	313		132.806.188.684	87.623.905.695
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	682.838.799	342.024.979
5. Phải trả người lao động	315		6.780.743.302	2.262.766.210
6. Chi phí phải trả	316	5.17	13.804.809.973	17.321.812.532
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	115.506.314.712	162.729.874.483
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.757.389.109	2.615.283.659
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.707.669.828.818</b>	<b>1.712.690.791.516</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	910.701.356.807	976.740.681.620
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	796.616.630.230	735.575.540.843
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		351.841.781	374.569.053
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>1.257.924.913.117</b>	<b>704.072.556.096</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.257.924.913.117</b>	<b>704.072.556.096</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		946.474.910.000	646.474.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.734.064.565	5.154.600.587
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.186.408.842	31.186.408.842
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.702.809.063	11.202.809.063
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		262.826.720.647	10.053.827.604
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>3.657.030.271.936</b>	<b>3.371.987.388.143</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
4 Nợ khó đòi đã xử lý		1.211.905.923	504.297.458

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	915.808.906.132	706.762.871.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	6.777.246.025	11.210.489.233
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	909.031.660.107	695.552.382.025
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	871.294.645.514	630.214.568.885
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>37.737.014.593</b>	<b>65.337.813.140</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	273.927.215.625	7.801.323.060
7. Chi phí tài chính	22	5.25	16.866.812.677	21.071.052.762
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.003.590.993</i>	<i>20.179.202.842</i>
8. Chi phí bán hàng	24		257.336.517	8.543.932.276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.629.078.791	33.279.113.542
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>259.911.002.233</b>	<b>10.245.037.620</b>
11. Thu nhập khác	31	5.26	2.700.451.167	2.250.393.230
12. Chi phí khác	32	5.26	6.743.608.844	1.561.082.194
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.26</b>	<b>(4.043.157.677)</b>	<b>689.311.036</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>255.867.844.556</b>	<b>10.934.348.656</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	37.291.995	910.544.952
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>255.830.552.561</b>	<b>10.023.803.704</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	3.221	198

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	255.867.844.556	10.934.348.656
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.702.618.957	16.761.129.848
- Các khoản dự phòng	03	352.029.537	432.184.358
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(273.774.750.426)	(8.458.559.812)
- Chi phí lãi vay	06	16.003.590.993	20.179.202.842
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.151.333.617	39.848.305.892
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	111.757.921.641	(39.524.803.567)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	61.500.273.210	23.356.614.241
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(128.974.324.404)	86.416.445.851
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(253.647.755)	1.499.489.811
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.003.590.993)	(20.179.202.842)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.080.576.323)	(2.797.008.789)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	234.879.180	1.813.877.656
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.400.000.000)	(1.606.055.923)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.932.268.173</b>	<b>88.827.662.330</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(169.758.556.156)	(251.447.988.162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	220.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.160.000.000)	(35.575.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.000.000.000	1.135.292.948
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(364.020.049.400)	(144.650.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.850.000.000	1.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	228.048.508.101	936.102.066
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(278.819.642.910)</b>	<b>(428.551.593.148)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	200.000.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	613.375.957.713	945.780.940.417
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(470.107.006.158)	(618.551.718.540)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(298.563.900)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.446.000)	(8.096.850)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>343.264.505.555</b>	<b>326.922.561.127</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>87.377.130.818</b>	<b>(12.801.369.691)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>24.436.676.575</b>	<b>37.238.046.266</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>111.813.807.393</b>	<b>24.436.676.575</b>

*Handwritten mark*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 13 ngày 16 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 của Công ty là 946.474.910.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	5.429.376	54.293.760.000	5,74%
Cổ đông khác	89.218.115	892.181.150.000	94,26%
<b>Tổng</b>	<b>94.647.491</b>	<b>946.474.910.000</b>	<b>100%</b>

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 11/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không

- bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

*Handwritten signature*

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### Ghi nhận ban đầu

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.



Handwritten signature or initials

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất là Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 20 Điện Biên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định. Quyền sử dụng đất được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

**Đầu tư vào các công ty con**

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân bổ theo nguyên giá. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí đi vay trong năm được vốn hóa với tổng số tiền là 48.272.281.041 đồng.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	354.813.877	165.010.233
Tiền gửi ngân hàng	53.269.734.516	22.043.211.342
Tiền đang chuyển	989.259.000	1.971.455.000
Các khoản tương đương tiền	57.200.000.000	257.000.000
<b>Tổng</b>	<b>111.813.807.393</b>	<b>24.436.676.575</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	12.372.092.168	37.129.510.005
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.450.000.000
- Công ty Cổ phần Thành Công T&G	-	1.450.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.372.092.168</b>	<b>38.579.510.005</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	417.180.822	6.651.000.000
Phải thu khác	41.802.362.176	150.761.086.333
- Công ty CP Tasco 10	2.696.501.498	2.625.527.009
- Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	135.213.170.000
- Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	-	2.555.729.078
- Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	32.116.197.379	-
- Phải thu khác	6.989.663.299	10.366.660.246
<b>Tổng</b>	<b>42.219.542.998</b>	<b>157.412.086.333</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.219.853.353	116.720.126.563
<b>Tổng</b>	<b>55.219.853.353</b>	<b>116.720.126.563</b>

**5.5 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	21.390.765.860	5.162.693.215
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	61.945.000	40.200.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	1.104.275.772	178.245.549
Các khoản khác phải thu Nhà nước	51.601.695	152.696.325
<b>Tổng</b>	<b>22.608.588.327</b>	<b>5.533.835.089</b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	19.606.037.448	14.955.142.603
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.400.000.000	42.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	35.170.733
<b>Tổng</b>	<b>25.006.037.448</b>	<b>15.032.313.336</b>

Số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2014 của Công ty là giá trị tạm ứng của các đội thi công công trình trong Công ty.

**5.7 Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6 (*)	638.075.247.730	684.677.283.048
<b>Tổng</b>	<b>638.075.247.730</b>	<b>684.677.283.048</b>

(\*): Đây là khoản phải thu từ việc chuyển giao chi phí đầu tư của 2 dự án BOT Quốc lộ 10 và BOT Quốc lộ 21 cho Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6 (do Công ty Cổ phần Tasco sở hữu 100% vốn) để tổ chức hạch toán chi phí tương ứng với doanh thu và xác định kết quả kinh doanh từ việc thu phí của 2 trạm này.

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	19.957.828.489	1.528.176.091	10.605.118.332	2.804.171.263	34.895.294.175
Tăng trong năm	-	-	10.973.109.091	838.433.560	11.811.542.651
Mua trong năm	-	-	10.973.109.091	838.433.560	11.811.542.651
Giảm trong năm	-	-	3.636.525.185	-	3.636.525.185
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.636.525.185	-	3.636.525.185
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>19.957.828.489</b>	<b>1.528.176.091</b>	<b>17.941.702.238</b>	<b>3.642.604.823</b>	<b>43.070.311.641</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	6.518.724.823	1.215.046.200	6.698.609.586	2.550.008.013	16.982.388.622
Tăng trong năm	679.052.232	91.836.587	1.576.221.026	307.319.410	2.654.429.255
Khấu hao trong năm	679.052.232	91.836.587	1.576.221.026	307.319.410	2.654.429.255
Giảm trong năm	-	-	3.316.089.641	-	3.316.089.641
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.316.089.641	-	3.316.089.641
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>7.197.777.055</b>	<b>1.306.882.787</b>	<b>4.958.740.971</b>	<b>2.857.327.423</b>	<b>16.320.728.236</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2014	13.439.103.666	313.129.891	3.906.508.746	254.163.250	17.912.905.553
Tại 31/12/2014	12.760.051.434	221.293.304	12.982.961.267	785.277.400	26.749.583.405

Trong đó: Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2014: 23.571.637.031 đồng.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 4.756.161.318 đồng.

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	102.878.251	647.718.637	750.596.888
Tăng trong năm	-	33.000.000	33.000.000
Mua trong năm	-	33.000.000	33.000.000
Giảm trong năm	-	127.137.000	127.137.000
Giảm khác	-	127.137.000	127.137.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>102.878.251</b>	<b>553.581.637</b>	<b>656.459.888</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	30.064.944	597.956.523	628.021.467
Tăng trong năm	4.304.232	43.885.470	48.189.702
Khấu hao trong năm	4.304.232	43.885.470	48.189.702
Giảm trong năm	-	116.542.256	116.542.256
Giảm khác	-	116.542.256	116.542.256
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>34.369.176</b>	<b>525.299.737</b>	<b>559.668.913</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2014	72.813.307	49.762.114	122.575.421
Tại 31/12/2014	68.509.075	28.281.900	96.790.975

**5.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.282.141.503.970	1.175.445.856.142
Tăng	257.093.518.065	154.004.566.739
Giảm trong năm		
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	12.226.315.119	47.308.918.911
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.527.008.706.916</b>	<b>1.282.141.503.970</b>
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Chi tiết công trình</b>		
Dự án khu Pháp Vân	30.121.491.427	27.217.891.148
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	271.126.885.278	70.272.124.725
Đường Lê Đức Thọ	383.915.437.985	366.796.568.718
Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
Dự án Xuân Phương		
- <i>Xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng (đơn vị ở số 1)</i>	10.162.871.531	9.105.623.434
- <i>Khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương (đơn vị ở số 2 và 3)</i>	506.766.995.542	499.811.464.716
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	270.427.354.098	280.468.532.569
Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.572.545.838	1.379.164.864
Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	47.428.052.902	21.668.435.969
Dự án nhà ở cho Cán bộ nhân viên của Bộ Ngoại giao	379.166.233	313.791.745
<b>Tổng</b>	<b>1.527.008.706.916</b>	<b>1.282.141.503.970</b>

**5.11 Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	-	50.000.000	-	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	15.418.582	154.185.820.000	8.732.582	87.325.820.000
3. Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	181.491.876.715	-	24.585.886.936
4. Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	-	300.658.019.183	-	242.525.017.302
5. Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	306.000	3.060.000.000	200.000	2.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>15.724.582</b>	<b>639.445.715.898</b>	<b>8.932.582</b>	<b>356.486.724.238</b>

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100,00%	Thu phí đường bộ
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00%	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00%	Khai thác VLXD
4	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100,00%	Xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100,00%	Xây lắp

**5.12 Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.696.970	16.969.700.000	1.385.000	13.850.000.000
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
3. Công ty CP ĐT & XD Trường Giang	-	-	180.000	1.800.000.000
4. Công ty CP D.Tech	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.076.970</b>	<b>20.769.700.000</b>	<b>1.945.000</b>	<b>19.450.000.000</b>

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Bất động sản Thái An	Hà Nội	30%	Xây lắp
2	Công ty CP Tasco Thăng Long	Hà Nội	30%	Đầu tư xây dựng tư vấn đầu tư XD
3	Công ty CP D.Tech	Hà Nội	20%	Xây lắp



**5.13 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty CP Tasco Du lịch	-	-	5.000	50.000.000
2. Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	900.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
3. Công ty CP Cotabig	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
4. Công ty Cổ phần TIC	133.000	1.330.000.000	133.000	1.330.000.000
5. Công ty Cổ phần Thành Công T&G	-	-	66.000	660.000.000
6. Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long	3.838.949	79.082.349.400	-	-
<b>Tổng</b>	<b>4.901.949</b>	<b>85.212.349.400</b>	<b>684.000</b>	<b>6.840.000.000</b>

Trong năm, Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1. Do đó, số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tasco đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 tăng từ 450.000 cổ phần lên thành 900.000 cổ phần.

**5.14 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.107.475.865	6.606.965.676
Tăng	1.840.246.972	1.630.363.407
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.586.599.217	3.129.853.218
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>5.361.123.620</b>	<b>5.107.475.865</b>

**Chi tiết chi phí**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	5.361.123.620	5.107.475.865
<b>Tổng</b>	<b>5.361.123.620</b>	<b>5.107.475.865</b>

*CTH*

**5.15 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>293.245.351.610</b>	<b>478.081.491.851</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	293.245.351.610	438.049.839.851
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	196.669.001.083	293.011.173.591
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	66.435.546.877	70.323.208.696
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	-	35.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long	30.140.803.650	39.715.457.564
Vay đối tượng khác	-	40.031.652.000
- Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Bình	-	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển Thái Bình	-	13.314.652.000
- Công ty CP Đầu tư Hùng Thắng	-	3.000.000.000
- Vay cá nhân khác	-	3.717.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.428.832.409</b>	<b>4.428.000.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>297.674.184.019</b>	<b>482.509.491.851</b>

**Trong đó:**

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/232424/HĐTD ngày 30/06/2014, mức dư nợ tối đa là 209.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội:

- Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/HĐTD ngày 07/07/2014, mức dư nợ tối đa là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long:

- Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0092/2014/HĐTDHDM-GPBTLO ngày 08 tháng 07 năm 2014 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay.

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	117.254.105
Thuế thu nhập cá nhân	682.838.799	133.210.528
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	91.560.346
<b>Tổng</b>	<b>682.838.799</b>	<b>342.024.979</b>

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	406.697.661	406.697.661
Trích trước giá vốn Dự án Vân Canh	12.955.820.330	12.991.135.857
Chi phí phải trả khác	442.291.982	3.923.979.014
<b>Tổng</b>	<b>13.804.809.973</b>	<b>17.321.812.532</b>

**5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	59.640.341	486.871.021
Bảo hiểm xã hội	209.697.674	168.943.881
Bảo hiểm y tế	36.293.887	33.376.491
Bảo hiểm thất nghiệp	16.130.594	13.994.362
Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.184.552.216	162.026.688.728
- Đội thi công công trình đầu tư XD CB	34.822.348.706	49.237.627.797
- Đội thi công công trình xây lắp	66.280.766.218	102.038.626.618
- Cổ tức phải trả	3.919.652.800	3.924.332.800
- Các khoản khác	10.161.784.492	6.826.101.513
<b>Tổng</b>	<b>115.506.314.712</b>	<b>162.729.874.483</b>

**5.19 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	456.475.300.000	459.475.300.000
Phải trả dài hạn khác	454.226.056.807	517.265.381.620
<b>Tổng</b>	<b>910.701.356.807</b>	<b>976.740.681.620</b>

**Trong đó:**

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

Phải trả dài hạn khác gồm các hợp đồng góp vốn, thỏa thuận đặt cọc để Công ty thực hiện các dự án.

5.20 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>796.616.630.230</b>	<b>635.575.540.843</b>
Vay ngân hàng	754.116.630.230	590.075.540.843
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	567.281.476.000	390.805.154.204
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	-	4.428.832.409
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	154.713.054.230	166.713.054.230
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	24.560.000.000	26.930.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	1.162.100.000	797.500.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long	-	401.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	6.400.000.000	-
Vay đối tượng khác	42.500.000.000	45.500.000.000
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>796.616.630.230</b>	<b>735.575.540.843</b>

**Trong đó:**

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. Nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho hai dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình (BOT10) và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21).

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- *Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.*
- *Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.*
- *Hợp đồng số 02/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi*

giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời gian trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay: “Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình”, lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, trong đó ghi: sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.
- Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2013/PLHĐ ngày 24/01/2013 bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I:

- Theo hợp đồng số 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐSĐBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ. Nguồn trả nợ dự án từ doanh thu bán BĐS dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Theo Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

5.21 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>349.976.000.000</b>	<b>72.222.032.987</b>	<b>30.289.648.858</b>	<b>9.445.185.906</b>	<b>75.222.570.041</b>	<b>537.155.437.792</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>296.498.910.000</b>	-	<b>896.759.984</b>	<b>1.757.623.157</b>	<b>10.023.803.704</b>	<b>309.177.096.845</b>
Tăng vốn	296.498.910.000	-	-	-	-	296.498.910.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	896.759.984	1.757.623.157	-	2.654.383.141
Lãi	-	-	-	-	10.023.803.704	10.023.803.704
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>67.067.432.400</b>	-	-	<b>75.192.546.141</b>	<b>142.259.978.541</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	75.192.546.141	75.192.546.141
Giảm khác	-	67.067.432.400	-	-	-	67.067.432.400
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>646.474.910.000</b>	<b>5.154.600.587</b>	<b>31.186.408.842</b>	<b>11.202.809.063</b>	<b>10.053.827.604</b>	<b>704.072.556.096</b>
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>646.474.910.000</b>	<b>5.154.600.587</b>	<b>31.186.408.842</b>	<b>11.202.809.063</b>	<b>10.053.827.604</b>	<b>704.072.556.096</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>300.000.000.000</b>	-	<b>2.000.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>255.830.552.561</b>	<b>558.330.552.561</b>
Tăng vốn (*)	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.000.000.000	500.000.000	-	2.500.000.000
Lãi	-	-	-	-	255.830.552.561	255.830.552.561
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>1.420.536.022</b>	-	-	<b>3.057.659.518</b>	<b>4.478.195.540</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Giảm khác (**)	-	1.420.536.022	-	-	57.659.518	1.478.195.540
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>946.474.910.000</b>	<b>3.734.064.565</b>	<b>33.186.408.842</b>	<b>11.702.809.063</b>	<b>262.826.720.647</b>	<b>1.257.924.913.117</b>

(\*) Tăng vốn trong năm 200.000.000.000 VND: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cho cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10/3/2014 của Hội đồng Quản trị.

Tăng vốn trong năm 100.000.000.000 VND: thực hiện chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2013; Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 6 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

(\*\*) Thặng dư vốn cổ phần giảm 1.420.536.022 VND: Các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược.

*Handwritten mark*

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	54.293.760.000	54.293.760.000
Vốn góp của cổ đông khác	892.181.150.000	592.181.150.000
<b>Tổng</b>	<b>946.474.910.000</b>	<b>646.474.910.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	646.474.910.000	349.976.000.000
Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000	296.498.910.000
Vốn góp tại cuối năm	946.474.910.000	646.474.910.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>69.994.710.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	94.647.491	64.647.491
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	94.647.491	64.647.491
Cổ phiếu phổ thông	94.647.491	64.647.491
Số lượng cổ phiếu chưa lưu hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	94.647.491	64.647.491
Cổ phiếu phổ thông	94.647.491	64.647.491

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu*

**5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và xây lắp	899.642.508.854	596.494.017.556
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	58.218.734.546
Doanh thu Bất động sản	16.166.397.278	52.050.119.156
<b>Tổng</b>	<b>915.808.906.132</b>	<b>706.762.871.258</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>6.777.246.025</b>	<b>11.210.489.233</b>
Giảm giá hàng bán	3.785.680.689	8.701.590.216
Hàng bán bị trả lại	2.991.565.336	2.508.899.017
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>909.031.660.107</b>	<b>695.552.382.025</b>

*DM*

**5.23 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán sản phẩm và xây lắp	858.704.282.402	570.314.525.843
Giá vốn dịch vụ	-	12.037.534.014
Giá vốn Bất động sản	12.590.363.112	47.862.509.028
<b>Tổng</b>	<b>871.294.645.514</b>	<b>630.214.568.885</b>

**5.24 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.743.837.424	1.150.323.060
Cổ tức, lợi nhuận được chia	266.183.378.201	6.651.000.000
<b>Tổng</b>	<b>273.927.215.625</b>	<b>7.801.323.060</b>

**5.25 Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	16.003.590.993	20.179.202.842
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	863.221.684	891.849.920
<b>Tổng</b>	<b>16.866.812.677</b>	<b>21.071.052.762</b>

**5.26 Lợi nhuận khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	1.018.340.909	1.264.213.865
Bán vật tư, CCDC	-	237.900.000
Thu nhập khác	1.682.110.258	748.279.365
<b>Tổng</b>	<b>2.700.451.167</b>	<b>2.250.393.230</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản	320.435.544	1.115.679.436
Chi phí khác	6.423.173.300	445.402.758
<b>Tổng</b>	<b>6.743.608.844</b>	<b>1.561.082.194</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(4.043.157.677)</b>	<b>689.311.036</b>

*Handwritten signature*



**5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>255.867.844.556</b>	<b>10.934.348.656</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	266.183.378.201	6.651.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.552.830.965	855.694.715
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(7.762.702.680)</b>	<b>5.139.043.371</b>
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>37.291.995</b>	<b>910.544.952</b>
<b>Tổng</b>	<b>37.291.995</b>	<b>910.544.952</b>

**5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>255.830.552.561</b>	<b>10.023.803.704</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>255.830.552.561</b>	<b>10.023.803.704</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	79.414.614	50.714.913
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.221</b>	<b>198</b>

**5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.233.895.812	48.463.829.989
Chi phí nhân công	27.572.668.603	32.711.497.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.702.618.957	16.761.129.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	781.295.966.957	477.976.179.748
Chi phí khác bằng tiền	6.950.793.379	15.353.241.805
<b>Tổng</b>	<b>827.755.943.708</b>	<b>591.265.879.097</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Lương và thù lao	2.087.403.603	3.975.822.735
<b>Tổng</b>	<b>2.087.403.603</b>	<b>3.975.822.735</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	-	8.454.173.514
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Công ty con	163.636.364	-
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	(496.911.818)	29.925.897.498
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	-	819.289.055
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	-	680.652.628.225
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	-	14.000.000
Công ty CP Tasco Thành Công	Công ty con	191.950.000	30.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Công ty con	174.336.364	131.818.182

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
<b>1. Các khoản phải thu</b>	<b>807.445.598.187</b>	<b>962.212.049.694</b>
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	90.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	49.500.000	33.000.000
Công ty CP Bất động sản Thái An	132.102.200.000	132.102.200.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH MTV Tasco 6	638.075.247.730	690.834.808.048
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	135.213.170.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	417.180.822	57.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	32.116.197.379	-
Công ty CP Bất động sản Thái An	351.264.800	351.264.800
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	-	2.555.729.078
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	4.334.007.456	974.877.768
	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>01/01/2014 VND</b>
<b>2. Các khoản phải trả</b>	<b>617.968.605</b>	<b>617.968.605</b>
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605

**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**6.2 Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	18.035.480.974
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.282.141.503.970	-	1.282.141.503.970
Các khoản phải thu	389.738.612.296	404.845.786.900	690.834.808.048	1.485.419.207.244
Hàng tồn kho	116.720.126.563	-	-	116.720.126.563
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	19.333.306.799	6.340.317.491	-	25.673.624.290
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	443.997.445.102
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.371.987.388.143</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	319.062.736.820	1.121.590.110.811	-	1.440.652.847.631
Phải trả tiền vay	255.975.761.145	822.193.771.549	-	1.078.169.532.694
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	149.092.451.722
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.667.914.832.047</b>

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	596.494.017.556	52.050.119.156	58.218.734.546	706.762.871.258
Giảm trừ doanh thu	(8.670.662.943)	(2.539.826.290)	-	(11.210.489.233)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>587.823.354.613</b>	<b>49.510.292.866</b>	<b>58.218.734.546</b>	<b>695.552.382.025</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	(10.878.170.255)	1.415.601.935	20.396.916.976	10.934.348.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.436.013	515.893.050	374.215.889	910.544.952
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>10.023.803.704</b>

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	26.846.374.380
Xây dựng cơ bản dở dang		1.527.008.706.916		1.527.008.706.916
Các khoản phải thu	305.144.219.528	184.805.143.175	638.075.247.730	1.128.024.610.433
Hàng tồn kho	55.219.853.353	-	-	55.219.853.353
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	44.677.313.987	8.298.435.408	-	52.975.749.395
Tài sản không thể phân bổ		-	-	866.954.977.459
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.657.030.271.936</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	250.651.371.657	1.041.353.545.921	-	1.292.004.917.578
Phải trả tiền vay	287.678.516.733	799.050.197.516	-	1.086.728.714.249
Nợ phải trả không phân bổ				20.371.726.992
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.399.105.358.819</b>

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	899.642.508.854	16.166.397.278	-	915.808.906.132
Giảm trừ doanh thu	(3.785.680.689)	(2.991.565.336)	-	(6.777.246.025)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>895.856.828.165</b>	<b>13.174.831.942</b>	<b>-</b>	<b>909.031.660.107</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	255.776.536.636	91.307.920	-	255.867.844.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.737.625)	46.029.620	-	37.291.995
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>255.830.552.561</b>

**6.3 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 và số 5.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở

*QTS*

hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.813.807.393	24.436.676.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.060.713.131.748	1.337.164.543.704
Đầu tư ngắn hạn	12.372.092.168	38.579.510.005
Đầu tư dài hạn	85.212.349.400	6.840.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.270.111.380.709</b>	<b>1.407.020.730.284</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.094.290.814.249	1.218.085.032.694
Phải trả người bán và phải trả khác	1.148.630.732.922	1.339.289.437.225
Chi phí phải trả	13.804.809.973	17.321.812.532
<b>Tổng</b>	<b>2.256.726.357.144</b>	<b>2.574.696.282.451</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	297.674.184.019	796.616.630.230	1.094.290.814.249
Phải trả người bán và phải trả khác	237.929.376.115	910.701.356.807	1.148.630.732.922
Chi phí phải trả	13.804.809.973	-	13.804.809.973
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	482.509.491.851	735.575.540.843	1.218.085.032.694
Phải trả người bán và phải trả khác	362.548.755.605	976.740.681.620	1.339.289.437.225
Chi phí phải trả	17.321.812.532	-	17.321.812.532

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.813.807.393	-	111.813.807.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	422.637.884.018	638.075.247.730	1.060.713.131.748
Đầu tư ngắn hạn	12.372.092.168	-	12.372.092.168
Đầu tư dài hạn	-	85.212.349.400	85.212.349.400

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.436.676.575	-	24.436.676.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	652.487.260.656	684.677.283.048	1.337.164.543.704
Đầu tư ngắn hạn	38.579.510.005	-	38.579.510.005
Đầu tư dài hạn	-	6.840.000.000	6.840.000.000

#### 6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Ngày 10 tháng 04 năm 2015 *thj*


 TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
 Vũ Quang Lâm